Ống mềm nhựa xoắn PPS

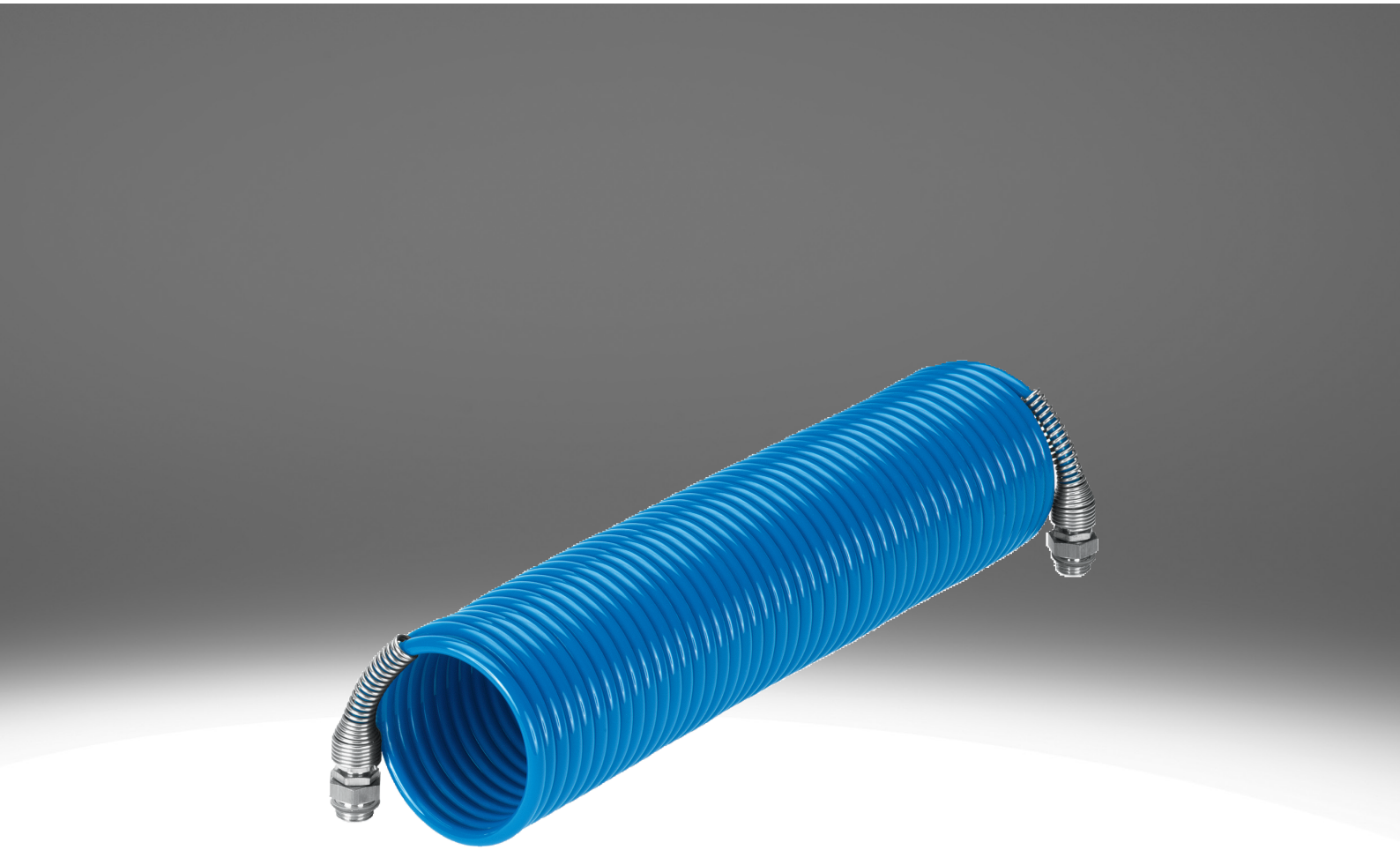

Đặc trưng

Tổng quan

Ống mềm nhựa xoắn chịu nhiệt và cơ học cao, chống thủy phân.

- Polyamide, đồng thau, thép mạ kẽm
- Được lắp ráp với 2 mối nối xoay và hai vòng phớt OL nhằm chống rò rỉ
- Lò xo chống xoắn để tránh xoắn ở cả hai đầu
- Khả năng chống vi khuẩn
- Môi chất vận hành khí nén, chân không

Tài liệu bổ sung

liên kết pps



Tài liệu bổ sung TUBING-ADD chứa thông tin bổ sung về cách sử dụng, chẳng hạn như các tổ hợp ống - đầu nối, hướng dẫn lắp ráp và quy trình đo lường.

Biểu đồ

liên kết pps



Đường kính trong của ống/ống mềm [mm]

Với các ống mềm xoắn này, đường kính trong của ống được chỉ định là kích thước ống.

Chiều dài làm việc [m]

Chiều dài làm việc là 80% của phần mở rộng tối đa cho phép.

Mã mẫu

001	Dòng	
PPS	Ống nhựa xoắn, polyamid	

002	Đường kính trong của ống/ống mềm [mm]	
4	4,7	
6	6,2	

003	Chiều dài làm việc [m]	
7,5	7,5	
15	15	

004	Cổng nối khí nén	
1/4	Ren ngoài G1/4	

005	Màu sắc	
BL	Màu xanh dương	

Bảng dữ liệu

Dữ liệu kỹ thuật chung				
Ø trong	4,7 mm		6,2 mm	
Chiều dài làm việc	7,5 m	15 m	7,5 m	15 m
Ø ngoài	6,3 mm		7,8 mm	
Cổng nối khí nén 1	Ren ngoài G1/4			
Cổng nối khí nén 2	Ren ngoài G1/4			
Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa	11 N m			
Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa	± 20%			
Đường kính cuộn	75 mm			
Chiều dài khối	0,34 m	0,67 m	0,43 m	0,8 m
Số lượt	44	90	43	86

Các điều kiện vận hành và môi trường – PPS-4	
Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ	-0,95 ... 21,2 bar
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-30 ... 80°C
Lớp chống ăn mòn KBK[1)]	1 - ứng suất ăn mòn thấp

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

Các điều kiện vận hành và môi trường – PPS-6	
Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ	-0,95 ... 17,2 bar
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-30 ... 80°C
Lớp chống ăn mòn KBK[1)]	1 - ứng suất ăn mòn thấp

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

Áp suất vận hành p tùy thuộc vào nhiệt độ t

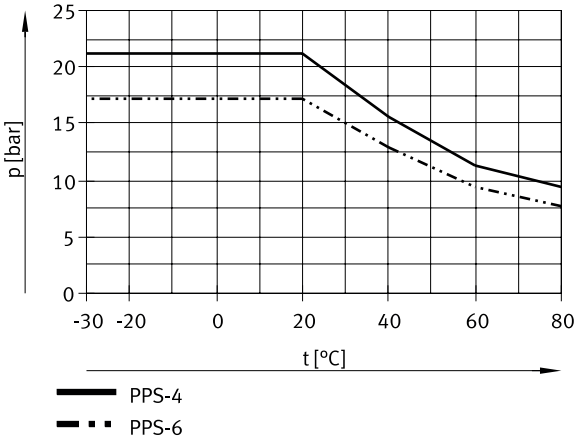

Vật liệu	
Vật liệu ống	PA12-P
Vật liệu ren cổng nối	Đồng thau
Vật liệu chống gấp khúc	Thép, mạ kẽm
Màu sắc	xanh
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L

Kích thước

Kích thước – Ống nhựa xoắn PPS Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

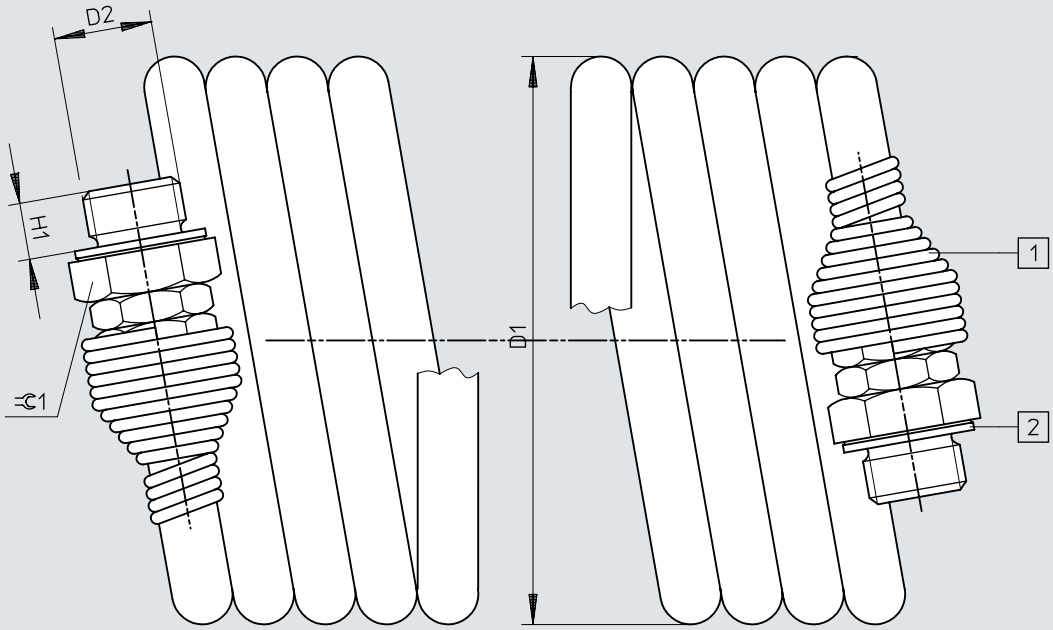

[1] Lò xo bảo vệ vặn xoắn
[2] Phớt không rời

	D1 ø	D2	H1	1
PPS-...	75	G1/4	7,5	17

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng PUN-H



Ø trong	Chiều dài làm việc	Chiều dài khối	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
4,7 mm	7,5 m	0,34 m	249 g	**19798**	**PPS-4-7,5-1/4-BL**
	15 m	0,67 m	367 g	**19799**	**PPS-4-15-1/4-BL**
6,2 mm	7,5 m	0,43 m	298 g	**19796**	**PPS-6-7,5-1/4-BL**
	15 m	0,8 m	500 g	**19797**	**PPS-6-15-1/4-BL**